TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16/4/2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ái Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Minh Trung.

Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Viết Xuân Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên tòa:* Bà Diệp Ngọc Dinh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 383/2023/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Mỹ P, sinh năm 1990; có mặt.

Địa chỉ: số nhà B đường P, khu phố E, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Vũ Đại N, sinh năm 1977; có mặt.

Địa chỉ: số nhà B đường P, khu phố E, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Tạm trú: số nhà B đường N, khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 9 năm 2023, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà nguyên đơn bà Đặng Thị Mỹ P trình bày:

Về hôn nhân: Bà P và ông Nghĩa l vợ chồng, tự nguyện tìm hiểu, chung sống và đăng ký kết hôn ngày 19/4/2016 tại UBND phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Trong thời gian đầu chung sống, vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, từ khi bà P sinh con thì hai vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn và bị bạo lực gia đình. Từ khi bà P nộp đơn ly hôn cho đến nay, bà P và ông N đã không còn sống chung nhà. Bà P hiện đang sinh sống tại nhà mẹ ruột tại phường H. Hiện nay, bà P nhận thấy tình cảm với ông N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu giải quyết ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà P và ông N có 01 (một) con chung là Vũ Đặng Tố U, sinh ngày 22/7/2016. Sau khi ly hôn, bà P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung. Bà P hiện đang làm Phục vụ khách chơi golf tại Công ty Cổ phần Đ; địa chỉ: số D đường T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương, thu nhập trung bình là 20.000.000 đồng/tháng. Trước đây, con chung là do vợ chồng cùng chăm sóc. Hiện nay, con chung đang do ông N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đưa đón đi học, cuối tuần thì con mới về với bà P do tính chất công việc bà P phải đi làm sớm không có điều kiện đưa đón con đi học. Bà P có nguyện vọng nuôi con vì cháu U là con gái cần sự chăm sóc của mẹ, thu nhập và khả năng của bà P hiện nay đủ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu U và một con trai riêng của bà P đang học lớp 9.

Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

Tại bản tự khai ngày 29/02/2024, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Vũ Đại N trình bày:

Về hôn nhân: Ông N thống nhất với lời trình bày của bà P về quá trình chung sống, đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng. Trong quá trình chung sống, bà P và ông N xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Ông N đã tìm cách hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng đều không có kết quả. Do đó, trước yêu cầu ly hôn của bà P, ông N đồng ý.

Về con chung: Ông N và bà P có 01 (một) con chung là Vũ Đặng Tố U, sinh ngày 22/7/2016. Hiện nay, con chung do ông N trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, đưa đón đi học hằng ngày, do bà P làm công việc phải đi làm từ 5 giờ sáng đến 6 giờ tối không có điều kiện đưa đón, chăm sóc, giáo dục con. Ông N cho rằng bà P đang không có nhà ở ổn định, phải ở chung với mẹ ruột và hiện đang nuôi một con riêng đang học lớp 9. Do đó, ông N không đồng ý giao con chung cho bà P nuôi dưỡng vì không đảm bảo điều kiện kinh tế, chăm sóc, giáo dục, đưa đón con chung. Ông N hiện đang làm công chức. Thu nhập trung bình là trên 20.000.000 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung: Thống nhất với bà P, không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Thống nhất với bà P, không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông N1 giữ nguyên ý kiến trình bày, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Mỹ P đối với ông Vũ Đại N về việc ly hôn, không chấp nhận yêu cầu của bà P về việc được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà P khởi kiện ông N về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Ông Vũ Đại N hiện đang cư trú tại phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Bà P và ông N chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 19/4/2016) nên hôn nhân của bà P và ông Nghĩa l hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Bà P trình bày cuộc sống chung với ông N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và vợ chồng đã không còn chung sống từ khi nộp đơn khởi kiện ly hôn cho đến nay. Ông N thống nhất với trình bày của bà P về quá trình chung sống, đăng ký kết hôn, nguyên nhâu mâu thuẫn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm sống, ông N đã cố gắng tìm cách hòa giải nhưng không thành. Nay, trước yêu cầu ly hôn của bà P ông N đồng ý.

Xét thấy, nghĩa vụ của vợ chồng là phải sống chung với nhau để quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau thực hiện những công việc chung của gia đình. Bà P và ông N đều thừa nhận từ khi nộp đơn ly hôn, bà P và ông N đã không còn sống chung nhà. Trước yêu cầu ly hôn của bà P, ông N đồng ý. Từ đó, có cơ sở xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông N.

[2.2] Về con chung: Bà P và ông N có 01 (một) con chung là Vũ Đặng Tố U, sinh ngày 22/7/2016. Sau khi ly hôn, bà P và ông N đều có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, hiện nay cháu U đang do ông P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cuối tuần mới về ở với bà P. Tuy tại biên bản lấy lời khai ngày 19/10/2023, cháu U có nguyện vọng được sống bà P nhưng nếu giao cháu U cho bà P nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo được điều kiện chăm sóc, giáo dục cho sự phát triển của cháu U vì bà P và ông N cùng thừa nhận ông Nghĩa là người đưa đón cháu U đi học hàng ngày, bà P làm công việc phục vụ khách chơi golf, thời gian đi làm sớm (từ 5h sáng mỗi ngày) không có điều kiện đưa đón cháu U đến trường. Bà P hiện còn phải nuôi một con riêng đang học lớp 9. Về điều kiện kinh tế để nuôi con chung, bà P trình bày thu nhập trung bình là 20.000.000 đồng/tháng nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét. Ông N trình bày thu nhập trên 20.000.000 đồng/tháng và cung cấp bảng lương tại đơn vị công tác từ tháng 8/2023 đến tháng 10/2023 là 20.587.680 đồng (bút lục 12). Do đó, trình bày về điều kiện kinh tế của ông Nghĩa l có cơ sở chấp nhận. Từ những phân tích trên, căn cứ mọi mặt về quyền, lợi ích hợp pháp cũng như đảm bảo sự phát triển toàn diện, ổn định của cháu U nên Hội đồng xét xử sẽ giao cháu U cho ông N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà P và ông N thống nhất không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 84, Điều 107, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Mỹ P đối với bị đơn ông Vũ Đại N về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về hôn nhân: Bà Đặng Thị Mỹ P được ly hôn với ông Vũ Đại N.

- Về con chung: Giao cháu Vũ Đặng Tố U, sinh ngày 22/7/2016 cho ông Vũ Đại N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì quyền lợi hợp pháp của con. Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà P và ông N không tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Đặng Thị Mỹ P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2023/0000790 bà Đặng Thị Mỹ P đã nộp ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. TDM;
- UBND phường Hiệp An;
- Đương sự;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ái Ngân